

Thứ tư, ngày 14 tháng 10 năm 2020

Vietnam Daily Review

Chạm ngưỡng 940

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/10/2020		•	
Tuần 12/10-16/10/2020		•	
Tháng 10/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex hôm nay duy trì trạng thái tăng dần từ đầu phiên sáng đến cuối phiên chiều và chốt phiên với mức tăng khá ấn tượng 1.11% qua đó chính thức chạm ngưỡng 940 điểm. Dòng tiền đầu tư tiếp tục ở trạng thái tích cực với 14/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại vẫn đang bán ròng trên sàn HSX và mua ròng nhẹ trên sàn HNX. Thanh khoản thị trường gia tăng so với phiên trước, đồng thời độ rộng thị trường tiếp tục ở trạng thái cân bằng phản ánh nhịp tăng hiện tại chủ yếu xuất phát từ những cổ phiếu có vốn hóa lớn. Theo đánh giá của chúng tôi, VNIndex nhiều khả năng sẽ gặp áp lực chốt lời tại khu vực quanh 940 điểm và có thể quay trở lại những vùng hỗ trợ thấp hơn trong những phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh mua với các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/10/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: **Theme_VN FinSelect_2.0%**

Phân tích kỹ thuật: TCB_Phiên bứt phá (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+10.32** điểm, đóng cửa **940.18**. HNX-Index **+1.34** điểm, đóng cửa **137.49**.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+1.94); MSN (+1.84); VCB (+1.81); TCB (+1.52); SAB (+1.12)**.
- Kéo chỉ số giảm: **CTG (-0.57); GVR (-0.33); SBT (-0.07); GEX (-0.07); VJC (-0.06)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **7,601 tỷ đồng, +35.8%** so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 8.29 điểm. Thị trường có **216** mã tăng, 58 mã tham chiếu và **189** mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-559.9 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm **MSN (-202 tỷ), TCB (-133 tỷ) và CTG (-79.3 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **4.52 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX	940.18
Giá trị: 7601.69 tỷ	10.32 (1.11%)
Khối ngoại (ròng): -559.9 tỷ	

HNX-INDEX	137.49
Giá trị: 886.85 tỷ	1.34 (0.98%)
Khối ngoại (ròng): 4.52 tỷ	

UPCOM-INDEX	63.13
Giá trị: 589.52 tỷ	-0.3 (-0.47%)
Khối ngoại (ròng): -26.17 tỷ	

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	40.3	0.35%
Giá vàng	1,898	0.37%
Tỷ giá USD/VND	23,177	0.03%
Tỷ giá EUR/VND	27,251	-0.39%
Tỷ giá JPY/VND	21,990	0.11%
LS liên NH 1 tháng	0.4%	24.15%
LS TPCP 5 năm	1.2%	-0.83%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
GVR	21.6	MSN	-202.0
VHM	20.6	TCB	-133.0
HPG	19.1	CTG	-79.3
BVH	18.0	AGG	-44.5
FUEFVNI	7.6	PVT	-30.0
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-Invest	Trang 2
Tín hiệu hàng hóa	Trang 3
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 4
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Khuyến nghị dài hạn	Trang 9
Báo cáo mới nhất	Trang 10
iBroker	Trang 11
Khuyến cáo sử dụng	Trang 12

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_VN FinSelect_2.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	9/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
VN FinSelect	2.0%	2.9%	3.4%	3.4%	17.1%	4.4%	30.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	1.9%	3.0%	2.9%	2.9%	17.1%	4.2%	31.7%
Ngân Hàng	1.7%	3.1%	6.6%	6.6%	28.9%	17.7%	33.6%
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.7%	1.5%	8.9%	8.9%	28.1%	20.3%	30.6%
VN Diamond	1.7%	2.1%	3.2%	3.2%	18.8%	-2.3%	31.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	1.4%	0.7%	3.4%	3.4%	19.5%	-4.1%	32.4%
Hàng tiêu dùng	1.3%	1.4%	5.6%	5.6%	24.9%	14.6%	29.5%
MSCI frontier 100 Việt Nam	1.3%	1.9%	4.9%	4.9%	14.6%	-0.8%	25.2%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	1.2%	1.0%	4.4%	4.4%	22.0%	8.4%	27.5%
Cổ phiếu hết room ngoại	1.0%	0.8%	3.1%	3.1%	21.4%	2.7%	30.1%
Corona Avengers	1.0%	-0.6%	2.5%	2.5%	19.7%	15.3%	34.9%
FTSE Việt Nam	0.7%	0.8%	2.0%	2.0%	11.4%	-0.5%	25.2%
EVFTA	0.5%	0.0%	1.4%	1.4%	2.4%	2.4%	15.4%
Cổ phiếu ngành Dược	0.3%	-0.8%	1.1%	1.1%	15.5%	5.8%	21.6%
Bất động sản & Khu công nghiệp	0.2%	-0.7%	1.0%	1.0%	16.4%	3.0%	25.1%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	1.0%	2.4%	2.4%	18.1%	3.6%	28.2%
Đầu tư công	0.0%	-1.8%	1.3%	1.3%	26.6%	19.4%	26.2%
Dầu khí	0.0%	-2.1%	0.4%	0.4%	12.9%	-13.7%	39.3%
Chiến tranh thương mại	-0.1%	-0.3%	3.6%	3.6%	27.4%	10.2%	30.8%
Stay-at-home	-0.2%	-3.0%	-2.3%	-2.3%	18.1%	23.5%	33.6%
Vật liệu Xây dựng	-0.2%	-0.9%	3.4%	3.4%	24.0%	21.1%	28.7%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.2%	-1.4%	0.7%	0.7%	19.8%	22.5%	21.5%
Nước & Năng lượng	-0.4%	-1.0%	0.6%	0.6%	16.6%	4.9%	26.1%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.5%	-1.6%	1.1%	1.1%	21.7%	22.6%	29.5%
Lãi suất giảm	-0.6%	-2.6%	0.1%	0.1%	23.5%	19.7%	32.4%
Xây dựng	-0.9%	-1.6%	1.9%	1.9%	24.9%	15.5%	30.8%

Mục tiêu	2/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
S32	1.4%	0.4%	4.9%	4.9%	22.3%	-0.9%	34.0%
M22	1.3%	1.2%	3.0%	3.0%	17.1%	11.0%	26.2%
M12	0.9%	1.0%	2.6%	2.6%	14.9%	2.4%	25.8%
L11	0.8%	0.1%	1.5%	1.5%	17.2%	4.0%	24.8%
L32	0.8%	1.2%	5.2%	5.2%	20.6%	-2.7%	31.0%
S21	0.7%	-0.3%	2.2%	2.2%	23.7%	6.9%	28.1%
S11	0.7%	0.3%	2.5%	2.5%	20.4%	19.6%	26.1%
L22	0.6%	-0.1%	1.9%	1.9%	21.7%	3.3%	28.2%
M31	0.5%	2.2%	4.8%	4.8%	24.4%	8.0%	30.8%

Khẩu vị Rủi ro	0/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
LOW1	0.9%	0.7%	2.1%	2.1%	13.8%	2.2%	26.0%
HIGH3	0.7%	0.3%	2.4%	2.4%	18.5%	2.8%	28.7%
MID1	-0.3%	-0.3%	1.2%	1.2%	21.5%	17.2%	25.9%

INDEX							
VNINDEX	1.1%	1.8%	3.9%	3.9%	13.9%	-2.2%	24.7%
VN30INDEX	1.6%	2.0%	3.9%	3.9%	15.8%	1.5%	26.0%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	9	17	5	21	5	21
Mục tiêu	9	2	7	1	8	3	6
Rủi ro	3	0	3	0	3	0	3

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 14/10

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	40.10	-0.25%	0.40%	6.80%	-21.59%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	42.35	-0.24%	0.90%	5.10%	-26.58%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	117.52	-0.63%	-2.10%	7.60%	-19.77%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1892.95	0.08%	0.30%	-3.30%	26.83%		PNJ
Bạc	USD/ounce	24.13	-0.05%	1.40%	-11.00%	35.17%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1043.75	-0.02%	-0.70%	4.40%	7.33%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	592.50	-0.25%	-2.50%	8.60%	9.77%		AFX
Sữa	USD /cwt	20.50	-0.68%	5.90%	16.10%	18.43%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	191.15	0.77%	7.70%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	14.01	1.23%	0.90%	11.20%	4.09%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	110.10	0.87%	2.30%	-16.90%	1.99%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6692.00	-0.68%	2.50%	-0.70%	15.92%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	537.55	-0.04%	4.10%	-2.10%		HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1858.00	0.13%	5.30%	4.70%	7.52%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	120.71	-0.45%	6.80%	-2.70%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	53.65	-1.74%	-13.40%	-3.20%	-30.10%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 12 tăng 73 US cent tương đương 1.8% lên 42.45 USD/thùng. Dầu thô WTI kỳ hạn tháng 11 tăng 77 US cent tương đương 2% lên 40.2 USD/thùng. Giá dầu được hỗ trợ khi Trung Quốc – nước nhập khẩu dầu thô hàng đầu thế giới – nhập khẩu 11.8 triệu thùng/ngày (bpd) trong tháng 9/2020, tăng 5.5% so với tháng 8/2020 và tăng 17.5% so với tháng 9/2019, song vẫn dưới mức cao kỷ lục (12.94 triệu bpd) trong tháng 6/2020.
- Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) dự báo nhu cầu dầu hồi phục chậm lại, nhu cầu dầu sẽ tăng 6.54 triệu bpd trong năm tới lên 96.84 triệu bpd, giảm 80,000 bpd so với dự báo tháng trước

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 1.7% xuống 1,890.01 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn New York giảm 1.8% xuống 1,894.6 USD/ounce.
- Đồng USD tăng 0,5% so với đồng tiền chủ chốt khác, khiến vàng trở nên đắt hơn sau khi Chủ tịch Hạ viện Mỹ, Nancy Pelosi cho biết, gói kích thích virus corona mới nhất của Tổng thống Mỹ Donald Trump không đáp ứng được nhu cầu của Mỹ

Giá sắt thép

- Giá quặng sắt trên sàn Đại Liên giảm 1.6% và trên sàn Singapore giảm 2.8%. nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc trong tháng 9/2020 tăng 8.2% so với tháng 8/2020 và tăng 9.3% so với tháng 9/2019 lên 108.55 triệu tấn.
- Giá thép cây trên sàn Thượng Hải giảm 0.3%, thép cuộn cán nóng giảm 0.1%.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 3/2021 trên sàn giao dịch Osaka tăng 1.7 JPY tương đương 0.9% lên 200.2 JPY (1.9 USD)/kg.
- Nhập khẩu của Trung Quốc tăng mạnh nhất năm nay trong tháng 9/2020, cùng với đó là xuất khẩu tăng mạnh khi nhiều đối tác thương mại dỡ bỏ các hạn chế virus corona, thúc đẩy nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới

Giá nông sản

- Cà phê arabica kỳ hạn tháng 12 trên sàn ICE tăng 0.95 US cent tương đương 0.9% lên 1.101 USD/lb. Cà phê robusta kỳ hạn tháng 11 trên sàn London giảm 10 USD tương đương 0.8% xuống 1,223 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2021 trên sàn ICE tăng 0.17 US cent tương đương 1.2% lên 14.01 US cent/lb. Đường trắng kỳ hạn tháng 12/2020 trên sàn London tăng 4.5 USD tương đương 1.2% lên 387.1 USD/tấn.

	14/10	% 14/10	13/10	% 13/10	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	940.18	1.11%	929.86	0.44%	2.22%	5.10%
S&P 500			3511.93	-0.63%	4.49%	5.12%
HĐTL S&P500	3522.50	0.51%	3504.75	-0.79%	3.40%	4.46%
Shang- hai	3340.78	-0.56%	3359.75	0.04%	3.61%	-0.43%
Euro Stoxx	3285.91	0.20%	3279.19	-0.57%	1.62%	-0.93%

Phân tích kỹ thuật

TCB_Phiên bút phá

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tăng giá
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, Phá kênh Bollinger trên.

Nhận định: TCB đã có một phiên tăng điểm khá mạnh trong phiên giao dịch hôm nay. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu đã vượt lên dải mây Ichimoku cho thấy xu hướng tăng giá trung hạn đã hình thành. Như vậy, nhà đầu tư có thể mở vị thế cổ phiếu tại quanh ngưỡng giá 22.8 và cân nhắc chốt lãi khi cổ phiếu tiệm cận ngưỡng 26.0, cắt lỗ nếu mất ngưỡng hỗ trợ ngắn hạn 21.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI = 23,854 tỷ VND (+13.2% yoy), PBT = 14,011 tỷ VND (+9.1% yoy). BVPS 2020 ở mức 20,914 VND/cp.

Catalyst

Giữ vững được tăng trưởng và chất lượng tài sản trước tình hình kinh tế khó khăn

Rủi ro Đầu tư

Tập trung cho vay BDS, ngành nghề được coi là rủi ro trong nền kinh tế.

Luận điểm đầu tư

- (1) Tập trung đưa nhiều sản phẩm mới (BusinessOne,...), nâng cấp cơ sở hạ tầng và tập trung quản lý hiệu suất, tập trung số hóa các sản phẩm.
- (2) Tái cấu trúc theo thông tư 01: 3.6% các khoản vay được giãn nợ. ~10% các khoản vay thuộc nhóm Xây dựng, VLXD và du lịch giải trí (lần lượt 3%, 6% và 1% tổng dư nợ). Các khoản vay vẫn đang nằm trong nợ nhóm 1.
- (3) Tỷ lệ casa được cải thiện mặc dù lãi suất thấp – cải thiện nhờ tăng lãi suất kênh online và zero fee, giãn cách xã hội cũng giúp tăng giao dịch điện tử.
- (4) Tín dụng năm 2020 ở được cấp ở mức >20% (cả ngành 11.5%), NIM dự kiến ổn định trong năm 2020.

Chi tiết tham khảo BSC – iBroker: **Express TCB 2020Q3**

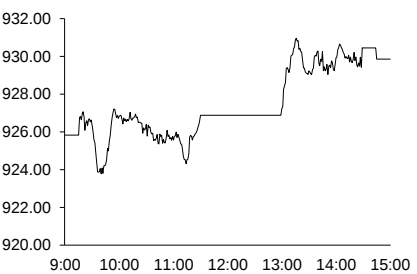
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ngân hàng	2.08%
Bán lẻ	2.03%
Thực phẩm và đồ uống	1.97%
Dịch vụ tài chính	1.76%
Bảo hiểm	1.25%
Tài nguyên Cơ bản	0.77%
Y tế	0.72%
Bất động sản	0.55%
Công nghệ Thông tin	0.53%
Ô tô và phụ tùng	0.50%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.27%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.23%
Dầu khí	0.22%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.09%
Xây dựng và Vật liệu	-0.15%
Viễn thông	-0.38%
Truyền thông	-0.44%
Du lịch và Giải trí	-0.59%
Hóa chất	-1.37%

Hình 1

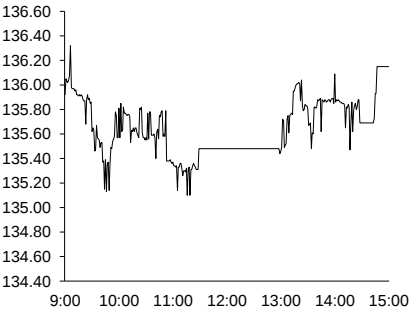
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
10/13/2020	STK	15.75	17.5	15	16.15	1	2.54%	Có thể tiếp tục mua
10/12/2020	BWE	25.85	29	25	25.9	2	0.19%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
10/8/2020	PPC	24	26.5	23	23.55	6	-1.87%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
10/7/2020	GAS	74.1	84	71	75.2	7	1.48%	Có thể tiếp tục mua
10/5/2020	DXG	10.95	12	10	11.1	9	1.37%	Có thể tiếp tục mua
10/2/2020	TLG	36.15	40	35	36.5	12	0.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
10/1/2020	SBT	15.8	18	14	15.9	13	0.63%	Có thể tiếp tục mua
9/29/2020	VNM	109.2	120.5	98.5	107.4	15	-1.65%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/28/2020	CEO	7.4	8.5	7	7.3	16	-1.35%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/25/2020	FCN	11.35	13	10	11.45	19	0.88%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/24/2020	SIP	81.1	95	76	84	20	3.58%	Có thể tiếp tục mua
9/22/2020	PVD	11.45	13.5	10.5	11.5	22	0.44%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/21/2020	KBC	13.85	15.5	13	14.7	23	6.14%	Có thể tiếp tục mua
9/17/2020	PTB	53.3	60	48	55.2	27	3.56%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/14/2020	TCT	27.95	35	25	29.8	30	6.62%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/11/2020	HDG	24.1	28	21	25	33	3.73%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/10/2020	GMD	23.8	26.7	20.5	23.8	34	0.00%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/8/2020	ANV	18.9	21	17.5	20.1	36	6.35%	Có thể giữ nguyên vị thế
9/3/2020	TNG	12.6	15	12	13.1	41	3.97%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/31/2020	VJC	103	112	100	104.6	44	1.55%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/28/2020	VPB	23.6	25	22.2	24	47	1.69%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/27/2020	GTN	25.4	31.1	22.1	24.15	48	-4.92%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
8/10/2020	VEA	44.4	46.5	41.5	43.4	65	-2.25%	Cần nhắc đóng vị thế (*)
6/24/2020	TRC	30.69	38.61	27.23	34	112	10.79%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/16/2020	VHM	74.9	90	70	78.5	120	4.81%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích:

(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt

(**) Tiệm cận giá mục tiêu

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
10/9/2020	SAB	193	212.5	185	SL	4	-4.15%
10/6/2020	MSN	58	64	54.5	TP	3	10.34%
9/23/2020	VCB	85.4	94	82.5	SL	9	-3.40%
9/18/2020	LAS	6.1	7	5.5	TP	21	14.75%
9/16/2020	PVS	12.9	14.5	12	TP	20	12.40%
9/15/2020	STB	11.6	13	11	TP	8	12.07%
9/9/2020	CVT	18.65	20.8	17.5	TP	23	11.53%
9/7/2020	TIG	6.7	7.4	6.3	TP	14	10.45%
9/4/2020	VCS	67	76	60	TP	27	13.43%
9/1/2020	VGT	8.1	9	7.5	TP	7	11.11%

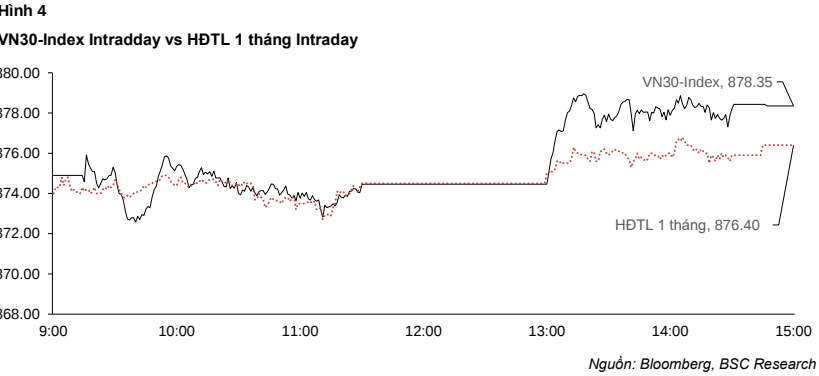
Chú thích: Thống kê 10 mã đóng vị thế gần nhất

TP - Đã chốt lời

SL - Đã cắt lỗ

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	20	5	3.06%	-2.41%	1.97%	32
Cổ phiếu đã chốt	42	24	12.52%	-8.88%	4.74%	25

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2010	894.80	2.10%	2.65	28.5%	93,254	10/15/2020	3
VN30F2011	888.50	1.54%	-3.65	187.8%	9,146	11/19/2020	38
VN30F2012	887.70	1.70%	-4.45	1231.3%	213	12/17/2020	66
VN30F2103	882.80	1.63%	-9.35	117.9%	61	3/18/2021	157

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng mạnh +13.80 điểm, lên mức 892.15 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như TCB, MSN, VPB, MWG, VCB tác động mạnh đến vận động tăng của của VN30. VN30 tăng tích cực đầu phiên sáng trước khi tích lũy quanh 885 điểm. Sang phiên chiều, VN30 mở rộng biên độ tăng lên trên 890 điểm. Thanh khoản tăng, VN30 có thể kiểm tra 900 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch,VN30F2010 và VN30F2103 đang giảm, trong khi VN30F2011 và VN30F2012 đang tăng. Xét về vị thế mở, các hợp đồng đều tăng. Điều này báo hiệu vận động tích lũy. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2005	11/30/2020	47	1:1	515,410	39.08%	3,000	2,660	118.03%	1,803	1.48	25,000	22,000	22,850
CTCB2008	12/18/2020	65	2:1	462,770	39.08%	1,720	2,180	49.32%	1,699	1.28	23,440	20,000	22,850
CTCB2007	1/14/2021	92	2:1	1,870,710	39.08%	1,700	2,220	48.00%	1,821	1.22	23,400	20,000	22,850
CTCB2006	10/29/2020	15	2:1	1,173,460	39.08%	1,200	2,450	38.42%	2,443	1.00	20,400	18,000	22,850
CMSN2008	11/20/2020	37	5:1	302,900	35.08%	1,530	5,000	25.00%	5,475	0.91	60,650	53,000	80,000
CVPB2006	11/30/2020	47	1:1	509,390	45.68%	3,400	1,450	20.83%	1,637	0.89	27,400	24,000	24,000
CMWG2012	2/8/2021	117	5:1	255,080	41.92%	4,390	7,140	20.00%	6,214	1.15	101,950	80,000	109,000
CMSN2005	10/29/2020	15	5:1	246,280	35.08%	2,100	3,160	15.75%	4,023	0.79	70,500	60,000	80,000
CVPB2008	1/14/2021	92	2:1	568,380	45.68%	1,800	1,790	11.18%	1,705	1.05	25,600	22,000	24,000
CMWG2010	1/14/2021	92	10:1	362,580	41.92%	1,400	3,000	11.11%	2,868	1.05	96,000	82,000	109,000
CMWG2007	11/30/2020	47	1:1	141,850	41.92%	12,900	22,690	10.47%	22,921	0.99	99,900	87,000	109,000
CVPB2009	11/20/2020	37	2:1	521,930	45.68%	1,630	2,150	10.26%	2,035	1.06	23,460	20,200	24,000
CHPG2008	11/30/2020	47	1:1	117,690	37.99%	4,100	7,060	4.90%	1,801	3.92	32,100	28,000	28,350
CHPG2019	12/18/2020	65	2:1	458,630	37.99%	1,630	2,550	3.66%	2,379	1.07	27,360	24,100	28,350
CFPT2008	1/14/2021	92	5:1	539,700	32.55%	1,500	1,460	3.55%	1,060	1.38	55,500	48,000	51,000
CMBB2007	1/14/2021	92	2:1	359,930	35.91%	1,400	2,000	2.56%	855	2.34	17,217	14,783	17,650
CHPG2016	1/14/2021	92	2:1	233,680	37.99%	2,200	4,070	2.52%	1,375	2.96	31,900	27,500	28,350
CHPG2012	1/18/2021	96	1:1	220,040	37.99%	6,100	8,950	1.70%	3,380	2.65	32,600	26,500	28,350
CPNJ2008	2/8/2021	117	5:1	338,830	39.41%	3,030	3,060	0.66%	2,902	1.05	65,150	50,000	62,900
CVNM2004	11/30/2020	47	1:1	46,220	33.48%	17,500	18,060	-1.74%	1,821	9.92	113,048	95,548	107,400
Tổng				9,245,460	39.13%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 14/10/2020, phần lớn chứng quyền đều tăng theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch tăng.

- CTCB2005 và CTCB2008 tăng mạnh lần lượt là 118.03% và 49.32%. Trái lại, CHPG2011 và CMWG2008 giảm mạnh lần lượt là -9.62% và -7.98%. Giá trị giao dịch tăng 17.54%. CTCB2007 có giá trị giao dịch nhiều nhất 8.64% thị trường.
- CMWG2006, CMSN2005, CMWG2008, CMSN2006, và CVPB2006 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2009, CMSN2008, và CREE2004 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2007, CMWG2012, và CMSN2008 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE	
MWG	Bán lẻ	109.0	2.6%	1.3	2,145	5.0	8,348	13.1	3.5	49.0%	30.3%	
PNJ	Bán lẻ	62.9	0.6%	1.3	616	1.8	4,629	13.6	3.0	49.0%	23.6%	
BVH	Bảo hiểm	54.4	1.3%	1.4	1,756	2.7	1,625	33.5	2.0	28.3%	6.7%	
PVI	Bảo hiểm	29.9	-0.3%	0.3	291	0.1	2,651	11.3	0.9	54.4%	8.8%	
VIC	Bất động sản	95.0	1.0%	0.8	13,971	1.6	2,336	40.7	3.8	13.8%	9.5%	
VRE	Bất động sản	27.4	0.6%	1.1	2,702	2.5	1,057	25.9	2.2	30.7%	8.9%	
VHM	Bất động sản	78.5	0.5%	1.3	11,227	6.9	6,686	11.7	3.8	22.0%	36.5%	
DXG	Bất động sản	11.1	0.5%	1.4	250	0.9	658	16.9	0.9	34.7%	2.9%	
SSI	Chứng khoán	18.1	3.1%	1.3	473	4.2	1,718	10.5	1.1	50.2%	10.7%	
VCI	Chứng khoán	36.6	6.7%	1.0	264	2.2	4,110	8.9	1.6	28.1%	18.7%	
HCM	Chứng khoán	22.4	1.6%	1.7	296	2.7	1,608	13.9	1.6	49.1%	11.5%	
FPT	Công nghệ	51.0	0.6%	0.8	1,738	5.3	4,280	11.9	2.7	49.0%	23.6%	
FOX	Công nghệ	49.8	0.0%	0.4	592	0.0	4,812	10.3	2.6	0.0%	28.3%	
GAS	Dầu khí	75.2	0.3%	1.4	6,258	4.2	5,169	14.5	2.7	3.1%	20.5%	
PLX	Dầu khí	49.5	0.3%	1.5	2,623	1.5	867	57.1	3.0	16.1%	5.1%	
PVS	Dầu khí	13.7	0.0%	1.5	285	2.3	1,339	10.2	0.5	9.9%	5.2%	
BSR	Dầu khí	7.1	-1.4%	0.8	957	0.6	898	7.9	0.6	41.1%	8.5%	
DHG	Dược	105.5	1.4%	0.5	600	0.0	5,044	20.9	4.3	54.8%	21.2%	
DPM	Hóa chất	16.9	-1.5%	0.4	287	2.4	1,700	9.9	0.8	12.3%	8.9%	
DCM	Hóa chất	12.0	-0.4%	0.5	275	0.8	709	16.9	1.0	2.5%	5.8%	
VCB	Ngân hàng	88.2	2.0%	1.1	14,223	4.6	4,915	17.9	3.7	23.6%	22.0%	
BID	Ngân hàng	42.9	4.0%	1.3	7,502	12.6	2,132	20.1	2.3	17.4%	12.3%	
CTG	Ngân hàng	30.0	-1.8%	1.2	4,857	11.0	2,995	10.0	1.4	29.9%	14.6%	
VPB	Ngân hàng	24.0	2.6%	1.2	2,544	10.5	4,126	5.8	1.2	23.4%	23.5%	
MBB	Ngân hàng	17.7	0.9%	1.0	2,128	3.8	3,041	5.8	1.1	23.0%	20.7%	
ACB	Ngân hàng	24.0	2.6%	0.9	2,256	21.0	2,884	8.3	1.7	39.0%	22.6%	
BMP	Nhựa	54.0	-2.5%	0.9	192	0.9	5,781	9.3	1.8	81.3%	19.5%	
NTP	Nhựa	32.6	0.0%	0.4	167	0.1	3,348	9.7	1.5	18.9%	16.0%	
MSR	Tài nguyên	16.0	-0.6%	0.3	688	0.1	356	44.9	1.3	1.9%	2.9%	
HPG	Thép	28.4	1.3%	1.2	4,084	17.4	2,632	10.8	1.8	34.0%	18.1%	
HSG	Thép	15.1	-1.6%	1.5	292	7.9	1,767	8.5	1.1	9.5%	13.6%	
VNM	Tiêu dùng	107.4	0.3%	0.8	9,758	6.0	4,615	23.3	7.4	58.0%	33.0%	
SAB	Tiêu dùng	190.0	3.3%	0.8	5,298	1.0	6,328	30.0	6.6	63.2%	23.7%	
MSN	Tiêu dùng	80.0	7.0%	1.0	4,086	16.8	3,255	24.6	4.0	38.1%	13.9%	
SBT	Tiêu dùng	15.9	-2.8%	0.8	406	2.5	619	25.7	1.3	5.2%	5.3%	
ACV	Vận tải	61.5	-1.6%	0.8	5,821	0.7	3,450	17.8	3.6	3.3%	22.3%	
VJC	Vận tải	104.6	-0.4%	1.1	2,382	1.4	3,480	30.1	3.7	17.5%	12.3%	
HVN	Vận tải	26.3	0.0%	1.7	1,619	0.5	(3,871)	N/A	N/A	9.2%	-38.6%	
GMD	Vận tải	23.8	0.4%	0.9	307	0.3	1,381	17.2	1.2	49.0%	6.8%	
PVT	Vận tải	13.5	1.9%	1.2	165	2.2	2,076	6.5	0.8	19.8%	13.5%	
VCS	Vật liệu xây dựng	75.8	-0.5%	1.0	511	0.8	8,104	9.4	3.6	2.9%	40.8%	
VGC	Vật liệu xây dựng	23.0	0.4%	0.8	448	0.2	1,363	16.9	1.6	7.7%	9.3%	
HT1	Vật liệu xây dựng	16.9	0.3%	0.9	280	0.9	1,937	8.7	1.2	6.0%	13.5%	
CTD	Xây dựng	61.3	-2.2%	1.1	203	3.3	8,453	7.3	0.6	46.7%	7.9%	
CII	Xây dựng	18.6	-0.8%	0.3	193	1.8	1,562	11.9	0.9	33.9%	7.6%	
REE	Điện	41.1	-1.3%	-1.4	554	1.0	4,780	8.6	1.2	49.0%	14.8%	
PC1	Điện	22.6	0.4%	-0.4	157	0.1	2,176	10.4	1.0	14.7%	9.9%	
POW	Điện	10.2	-0.5%	0.6	1,039	3.6	933	10.9	0.9	10.5%	8.1%	
NT2	Điện	23.2	-0.4%	0.6	290	0.3	2,685	8.6	1.5	19.1%	18.0%	
KBC	Khu công nghiệp	14.7	2.1%	0.8	300	1.7	1,156	12.7	0.7	18.5%	5.8%	
BCM	Khu công nghiệp	40.0	0%	1.0	1,800	0.1	#N/A	N/A	N/A	2.8	1.8%	#VALUE!

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	42.90	4.00	1.89	6.82MLN
VCB	88.20	1.97	1.80	1.21MLN
MSN	80.00	6.95	1.74	5.07MLN
TCB	22.85	6.78	1.45	48.63MLN
SAB	190.00	3.26	1.10	119830

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
CTG	0.00	-0.58	8.34MLN	1.11MLN
GVR	0.00	-0.34	4.93MLN	607060
GEX	0.00	-0.08	6.43MLN	373600
SBT	0.00	-0.08	3.56MLN	192700
VJC	0.00	-0.06	297820	611640

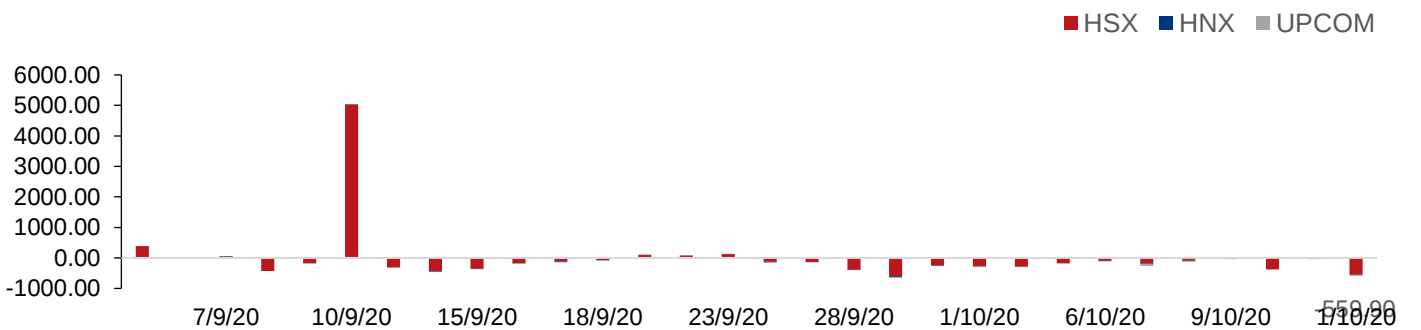
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TDP	29.05	7.00	0.03	44410.00
PGI	19.90	6.99	0.03	98670
MSN	80.00	6.95	1.74	5.07MLN
HUB	23.85	6.95	0.01	44600
HTL	19.25	6.94	0.00	26830

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SGR	19.40	-10.32	-0.03	57390
CCL	7.73	-8.84	-0.01	500780
PTL	7.18	-6.99	-0.02	14490.00
VAF	7.72	-6.99	-0.01	10
PNC	9.10	-6.95	0.00	2020

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MWG	Bán lẻ	Mua	21/8/20	81.7	117.5	109.0	8,348	13.1	3.5	Click
2	VGT	Dệt may	N.A	19/8/20	7.3	N.A	8.5	885	9.6	0.7	Click
3	VHC	Thủy sản	Theo dõi	18/8/20	36.7	39.0	42.5	5,512	7.7	1.5	Click
4	KDH	Bất động sản	Mua	12/8/20	24.2	31.3	24.0	1,944	12.3	1.8	Click
5	HPG	Vật liệu Xây dựng	Mua	11/8/20	24.3	30.0	28.4	2,632	10.8	1.8	Click
6	NLG		Mua	24/6/20	25.0	34.6	26.5	3,024	8.8	1.4	Click
7	VPB	Ngân hàng	Mua	11/6/20	22.5	29.0	24.0	4,126	5.8	1.2	Click
8	DBC	Thực phẩm	Mua	8/6/20	54.0	71.3	44.6	9,998	4.5	1.3	Click
9	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	80.0	3,255	24.6	4.0	Click
10	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/20	38.9	43.2	42.5	4,670	9.1	1.7	Click
11	HSG	VLXD	Mua	2/6/20	10.1	12.4	15.1	1,767	8.5	1.1	Click
12	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/5/20	40.0	44.2	43.4	5,479	7.9	2.2	Click
13	SZC	Bất động sản	Mua	20/5/18	18.7	22.2	26.4	2,103	12.6	2.2	Click
14	HPG	VLXD	Mua	20/5/19	26.2	36.7	28.4	2,632	10.8	1.8	Click
15	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/5/20	21.3	25.0	22.9	3,103	7.4	1.2	Click
16	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/20	62.0	64.5	62.9	4,629	13.6	3.0	Click
17	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/20	125.0	145.9	105.5	4,105	25.7	9.1	Click
18	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/20	10.6	15.4	11.1	658	16.9	0.9	Click
19	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/20	16.4	18.8	21.0	1,721	12.2	1.2	Click
20	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	25.0	7,583	3.3	1.4	Click
21	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/20	20.6	N/a	28.0	5,224	5.4	1.3	Click
22	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/20	26.9	32.1	52.2	4,739	11.0	2.2	Click
23	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/20	67.4	90.0	88.2	4,915	17.9	3.7	Click
24	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/20	20.3	27.0	24.0	2,884	8.3	1.7	Click
25	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/20	29.5	33.8	42.5	5,512	7.7	1.5	Click
26	PHR	Cao su	Mua	20/4/20	43.7	51.8	55.6	5,872	9.5	2.5	Click
27	FPT	Viễn thông	Mua	14/4/20	46.4	60.7	51.0	4,280	11.9	2.7	Click
28	GMD	Vận tải	Mua	17/3/20	16.4	27.2	23.8	1,381	17.2	1.2	Click
29	KBC	Bất động sản	Mua	13/3/20	12.4	17.1	14.7	1,156	12.7	0.7	Click
30	SAB	Thực phẩm	Theo dõi	13/3/20	144.0	161.1	190.0	6,328	30.0	6.6	Click
31	KDH	Bất động sản	Mua	3/10/20	23.0	28.9	24.0	1,944	12.3	1.8	Click
32	VNM	Thực phẩm	Mua	28/2/20	106.2	127.3	107.4	4,615	23.3	7.4	Click
33	AAA	Nhựa	Theo dõi	26/2/20	12.6	15.0	12.3	1,407	8.7	0.7	Click
34	MWG	Bán lẻ	Mua	25/2/20	106.2	171.1	109.0	8,348	13.1	3.5	Click
35	DRC	Cao su	Mua	20/2/20	23.3	28.8	19.4	2,088	9.3	1.4	Click
36	DHG	Dược	Theo dõi	31/1/20	93.0	89.5	105.5	5,044	20.9	4.3	Click
37	PVT	Vận tải	Theo dõi	27/12/19	16.8	20.2	13.5	2,076	6.5	0.8	Click
38	PNJ	Bán lẻ	Mua	2/1/20	86.5	99.7	62.9	4,629	13.6	3.0	Click
39	QNS	Thực phẩm	Mua	1/2/20	28.7	35.0	33.1	4,313	7.7	1.5	Click
40	NTC	Cao su	Theo dõi	18/12/19	170.0	N/a	219.4	14,782	14.8	6.0	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
2	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
3	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
4	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
5	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
6	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
8	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
9	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
10	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
13	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
14	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
15	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
16	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click
17	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector		x	Click
18	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona)	x		Click
19	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 1.2020	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020		x	Click
21	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	x		Click
22	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN		x	Click
23	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	x		Click
24	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 11.2019	x		Click
25	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 10.2019	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019		x	Click
27	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III	x		Click
28	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	x		Click
29	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_18092019		x	Click
30	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	x		Click
31	07082019_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019		x	Click
32	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019	x		Click
33	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II	x		Click
34	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA_27062019		x	Click
35	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019	x		Click
36	Báo cáo Tổng kết KQKD Q1.2019_BSC_03062019		x	Click
37	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 04.2019	x		Click
38	24042018_BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2019		x	Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Quý I.2019	x		Click
40	Báo cáo Tổng kết KQKD 2018_BSC Research_20032019		x	Click



BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây [Link](#)

Bản công bố rủi ro [Link](#)

[Link](#)

Video hướng dẫn sử dụng [Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VJC 2020Q3	17/9/20	Dự báo KQKD: BSC ước tính doanh thu thuần năm 2020 của VJC đạt 27,894 tỷ (-45% YoY) với giả định sản lượng hành khách giảm 70% (Tương đương 31% khách nội địa và 89% khách quốc tế), giá cước phí hàng không giảm 5% để cạnh tranh với các hãng hàng không khác. LNST ước đạt 5 tỷ đồng -99% YoY
Express TNG 2020Q3	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 13400 Dự báo KQKD: Năm 2020, công ty đặt kế hoạch doanh thu và lợi nhuận sau thuế dự kiến đạt 4,600 tỷ và 230 tỷ, tương đương với thực hiện năm 2019. Cổ tức năm 2020 dự kiến là 16% (cả tiền mặt và cổ phiếu)
Express NKG 2020Q4	22/9/20	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7950 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần của NKG đạt 11,808 tỷ đồng (-11.2% YoY), LNST từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (không tính LN bất thường) là 142 tỷ (gấp 2 cùng kỳ), tương đương EPS = 823 đồng/CP.

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639